



Hậu Giang, ngày 19.. tháng 10 năm 2021

Số: 15... /KH-CTN-CTĐT

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT – KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2021);*

*Căn cứ Chiến lược sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2020-2025) của Hội đồng quản trị Công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020;*

*Căn cứ Hợp đồng thuê bao đô thị năm 2021 đã ký với các địa phương;*

*Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2020, 06 tháng đầu năm 2021 và dự báo tình hình sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2021;*

*Căn cứ diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 trên cả nước và tỉnh Hậu Giang;*

*Thực hiện Công văn số 160/CTN-CTĐT ngày 02 tháng 08 năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang về việc giảm giá nước sinh hoạt do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19,*

Để kế hoạch SXKD những tháng cuối năm được xây dựng sát với tình hình thực tế, đồng thời cũng để làm cơ sở, định hướng và giám sát các hoạt động trong công tác điều hành sản xuất, kinh doanh tại đơn vị, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2021 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

### A. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

#### I. CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
1	Sản lượng nước sản xuất	m <sup>3</sup>	14.559.269	15.627.000	15.078.766	7,3	-3,5
	Trong đó, nước mua sỉ của các liên doanh	m <sup>3</sup>	5.028.931	7.920.500	7.920.500	57,5	-

2	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	12.038.079	13.082.400	12.622.687	8,7	-3,5
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,3	16,3	16,3	-1,0	-
4	Lắp đặt ống nhánh hộ mới	hộ	5.222	2.212	2.212	-57,6	-
5	Thay đồng hồ	cái	5.005	11.097	5.549	121,7	-50,0
6	Thu hoá đơn tiền nước	%	99,55	99,85	99,85	0,3	-

## II. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>I</b>	<b>TỔNG DOANH THU (không VAT)</b>	<b>212.443.333.000</b>	<b>230.648.894.000</b>	<b>211.448.815.000</b>	<b>8,6</b>	<b>-8,3</b>
1	Doanh thu hoạt động cấp nước	96.213.326.400	104.720.500.000	101.295.468.710	8,8	-3,3
	Doanh thu tiền nước	94.096.704.837	102.220.500.000	98.267.650.905	8,6	-3,9
	Doanh thu khác thuộc cấp nước	2.116.621.563	2.500.000.000	3.027.817.800	18,1	21,1
2	Doanh thu hoạt động đô thị	97.531.744.104	109.028.393.920	102.006.861.000	11,8	-6,4
	Dịch vụ thu gom, VC rác thải SH	12.211.959.841	13.433.155.825	12.728.003.771	10,0	-5,2
	Thuê bao đô thị thường xuyên	83.902.708.357	94.095.238.095	88.108.775.964	12,1	-6,4
	Doanh thu khác	1.417.075.906	1.500.000.000	1.170.081.479	5,9	-22,0
3	Doanh thu khác và Công trình	18.698.262.000	16.900.000.000	8.146.485.324	-9,6	-51,8
	Công trình làm thuê	10.738.931.080	8.900.000.000	7.121.191.036	-17,1	-20,0
	Doanh thu khác	7.959.331.391	8.000.000.000	1.025.294.288	0,5	-87,2
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>195.612.290.000</b>	<b>212.370.292.000</b>	<b>204.482.210.000</b>	<b>8,6</b>	<b>-3,7</b>
1	Hoạt động cấp nước	86.120.077.073	96.535.807.000	96.388.435.000	12,1	-0,2
2	Hoạt động đô thị	92.333.643.936	100.032.374.829	99.528.705.234	8,3	-0,5
3	Chi phí khác và công trình làm thuê	17.158.568.903	15.802.110.090	8.565.069.883	-7,9	-45,8
<b>III</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>16.831.043.000</b>	<b>18.278.602.000</b>	<b>6.966.605.000</b>	<b>8,6</b>	<b>-61,9</b>
<b>IV</b>	<b>NỢP NGÂN SÁCH</b>	<b>16.812.624.212</b>	<b>19.474.332.400</b>	<b>15.138.425.400</b>	<b>15,8</b>	<b>-22,3</b>
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.839.435.839	3.655.720.400	1.393.321.000		
2	Thuế tài nguyên	1.563.292.880	698.224.500	667.724.500		
3	Phí bảo vệ môi trường NT	8.394.650.347	10.222.050.000	9.826.765.091		
4	Tiền cấp quyền khai thác TN+ thuê đất	365.548.700	365.548.700	365.548.700		
5	Thuế VAT	1.224.317.428	1.500.000.000	1.500.000.000		
6	Cổ tức của cổ đông NN	2.055.079.203	2.662.488.951	1.014.766.274		

7	Thuế khác	370.299.815	370.299.815	370.299.815		
<b>V</b>	<b>NHU CẦU VỐN</b>	<b>45.045.352.333</b>	<b>95.297.060.462</b>	<b>90.497.005.684</b>	<b>100,9</b>	<b>-5,0</b>
1	Vốn Công ty tự có	45.352.333	15.297.060.462	10.497.005.684		
2	Vốn vay ngân hàng	45.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000		
3	Phương thức trả nợ	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ		

## B. CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH SXKD GIAO CHO TỪNG CHI NHÁNH THỰC HIỆN NĂM 2021

### 1. Sản lượng nước phát ra

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>	m <sup>3</sup>	<b>5.816.007</b>	<b>6.116.000</b>	<b>5.842.895</b>	<b>5,2</b>	<b>-4,5</b>
1.1	Cấp nước Vị Thanh	m <sup>3</sup>	5.161.778	5.366.000	5.185.861	4,0	-3,4
1.2	Châu Thành A	m <sup>3</sup>	654.229	750.000	657.035	14,6	-12,4
<b>2</b>	<b>CN3</b>	m <sup>3</sup>	<b>1.393.325</b>	<b>1.570.000</b>	<b>1.532.339</b>	<b>12,7</b>	<b>-2,4</b>
2.1	Thị xã Long Mỹ	m <sup>3</sup>	1.364.485	1.529.000	1.491.228	12,1	-2,5
2.2	Huyện Long Mỹ	m <sup>3</sup>	28.840	41.000	41.111	42,2	0,3
<b>3</b>	<b>CN4</b>	m <sup>3</sup>	<b>7.349.937</b>	<b>7.941.000</b>	<b>7.703.531</b>	<b>8,0</b>	<b>-3,0</b>
3.1	Châu Thành	m <sup>3</sup>	1.015.518	1.095.000	1.062.260	7,8	-3,0
3.2	Ngã Bảy	m <sup>3</sup>	4.856.064	5.151.000	4.996.782	6,1	-3,0
3.3	Phụng Hiệp	m <sup>3</sup>	1.478.355	1.695.000	1.644.488	14,7	-3,0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>m3</b>	<b>14.559.269</b>	<b>15.627.000</b>	<b>15.078.766</b>	<b>7,3</b>	<b>-3,5</b>

### 2. Sản lượng nước tiêu thụ (chuẩn thu)

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>	m <sup>3</sup>	<b>4.687.594</b>	<b>5.030.800</b>	<b>4.804.315</b>	<b>7,3</b>	<b>-4,5</b>
1.1	Cấp nước Vị Thanh	m <sup>3</sup>	4.173.187	4.400.500	4.252.406	5,4	-3,4
1.2	Châu Thành A	m <sup>3</sup>	514.407	630.300	551.909	22,5	-12,4
<b>2</b>	<b>CN3</b>	m <sup>3</sup>	<b>1.185.812</b>	<b>1.344.000</b>	<b>1.312.000</b>	<b>13,3</b>	<b>-2,4</b>

2.1	Thị xã Long Mỹ	m <sup>3</sup>	1.160.559	1.307.000	1.275.000	12,6	-2,4
2.2	Huyện Long Mỹ	m <sup>3</sup>	25.253	37.000	37.000	46,5	0,0
<b>3</b>	<b>CN4</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>6.164.692</b>	<b>6.707.600</b>	<b>6.506.372</b>	<b>8,8</b>	<b>-3,0</b>
3.1	Châu Thành	m <sup>3</sup>	900.864	963.700	934.789	7,0	-3,0
3.2	Ngã Bảy	m <sup>3</sup>	3.998.177	4.285.900	4.157.323	7,2	-3,0
3.3	Phụng Hiệp	m <sup>3</sup>	1.265.651	1.458.000	1.414.260	15,2	-3,0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>12.038.098</b>	<b>13.082.400</b>	<b>12.622.687</b>	<b>8,7</b>	<b>-3,5</b>

### 3. Tỷ lệ thất thoát nước

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>	<b>%</b>	<b>19,4</b>	<b>17,8</b>	<b>17,8</b>	<b>-1,6</b>	<b>0,0</b>
1.1	Cấp nước Vị Thanh	%	19,2	18,0	18,0	-1,2	0,0
1.2	Châu Thành A	%	21,4	16,0	16,0	-5,4	0,0
<b>2</b>	<b>CN3</b>	<b>%</b>	<b>14,9</b>	<b>14,4</b>	<b>14,4</b>	<b>-0,5</b>	<b>0,0</b>
2.1	Thị xã Long Mỹ	%	14,9	14,5	14,5	-0,4	0,0
2.2	Huyện Long Mỹ	%	12,4	10,0	10,0	-2,4	0,0
<b>3</b>	<b>CN4</b>	<b>%</b>	<b>16,1</b>	<b>15,5</b>	<b>15,5</b>	<b>-0,6</b>	<b>0,0</b>
3.1	Châu Thành	%	11,3	12,0	12,0	0,7	0,0
3.2	Ngã Bảy	%	17,7	16,8	16,8	-0,9	0,0
3.3	Phụng Hiệp	%	14,4	14,0	14,0	-0,4	0,0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>%</b>	<b>17,3</b>	<b>16,3</b>	<b>16,3</b>	<b>-1,0</b>	<b>0,0</b>

### 4. Lắp đặt ống nhánh tăng hộ mới

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>	<b>Hộ</b>	<b>1.442</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>-65,3</b>	<b>0,0</b>
1.1	Cấp nước Vị Thanh	Hộ	1.124	400,0	400	-64,4	0,0
1.2	Châu Thành A	Hộ	318	100	100	-68,6	0,0
<b>2</b>	<b>CN3</b>	<b>Hộ</b>	<b>1.274</b>	<b>832</b>	<b>832</b>	<b>-34,7</b>	<b>0,0</b>

2.1	Thị xã Long Mỹ	Hộ	779	480	480	-38,4	0,0
2.2	Huyện Long Mỹ	Hộ	495	352	352	-28,9	0,0
<b>3</b>	<b>CN4</b>	<b>Hộ</b>	<b>2.506</b>	<b>880</b>	<b>880</b>	<b>-64,9</b>	<b>0,0</b>
3.1	Châu Thành	Hộ	639	474	474	-25,8	0,0
3.2	Ngã Bảy	Hộ	1.247	406	406	-67,4	0,0
3.3	Phụng Hiệp	Hộ	620	0,0	0,0	-100,0	0,0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>Hộ</b>	<b>5.222</b>	<b>2.212</b>	<b>2.212</b>	<b>-57,6</b>	<b>0,0</b>

### 5. Thay đồng hồ nước

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>	Cái	<b>2.140</b>	<b>4.291</b>	<b>2.146</b>	<b>100,5</b>	<b>(50)</b>
1.1	Cấp nước Vị Thanh	Cái	1.939	3.400	1.700	75,4	(50)
1.2	Châu Thành A	Cái	201	891	446	343,4	(50)
<b>2</b>	<b>CN3</b>	Cái	<b>866</b>	<b>1.071</b>	<b>536</b>	<b>23,7</b>	<b>(50)</b>
2.1	Thị xã Long Mỹ	Cái	866	1.071	536	23,7	(50)
2.2	Huyện Long Mỹ	Cái	-	-	-		(50)
<b>3</b>	<b>CN4</b>	Cái	<b>1.999</b>	<b>5.735</b>	<b>2.867</b>	<b>186,9</b>	<b>(50)</b>
3.1	Châu Thành	Cái	214	508	254	137,3	(50)
3.2	Ngã Bảy	Cái	1.289	3.290	1.645	155,2	(50)
3.3	Phụng Hiệp	Cái	496	1.937	969	290,6	(50)
	<b>Tổng cộng:</b>	Cái	<b>5.005</b>	<b>11.097</b>	<b>5.549</b>	<b>121,7</b>	<b>(50)</b>

### 6. Thu hoá đơn tiền nước

Tất cả các chi nhánh phần đầu thực hiện thu hóa đơn tiền nước đạt tỷ lệ cao nhất (tỷ lệ thu thấp nhất là 99,85%).

### 7. Doanh thu tiền nước (không bao gồm VAT)

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>	Đồng	<b>36.687.833.184</b>	<b>39.360.500.000</b>	<b>37.411.311.556</b>	<b>7,3</b>	<b>-5,0</b>
1.1	CN Vị Thanh	Đồng	32.740.171.413	34.523.500.000	33.143.625.131	5,4	-4,0

1.2	Châu Thành A	Đồng	3.947.661.771	4.837.000.000	4.267.686.425	22,5	-11,8
<b>2</b>	<b>CN3</b>	<b>Đồng</b>	<b>9.179.317.293</b>	<b>10.398.800.000</b>	<b>10.200.640.355</b>	<b>13,3</b>	<b>-1,9</b>
2.1	Thị xã Long Mỹ	Đồng	8.998.795.320	10.134.300.000	9.869.833.880	12,6	-2,6
2.2	Huyện Long Mỹ	Đồng	180.521.973	264.500.000	330.806.475		25,1
<b>3</b>	<b>CN4</b>	<b>Đồng</b>	<b>48.229.554.360</b>	<b>52.461.200.000</b>	<b>50.655.698.994</b>	<b>8,8</b>	<b>-3,4</b>
3.1	Châu Thành	Đồng	7.204.627.650	7.707.200.000	7.480.243.915	7,0	-2,9
3.2	Ngã Bảy	Đồng	31.317.996.786	33.571.800.000	32.353.374.111	7,2	-3,6
3.3	Phụng Hiệp	Đồng	9.706.929.924	11.182.200.000	10.822.080.968	15,2	-3,2
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>Đồng</b>	<b>94.096.704.837</b>	<b>102.220.500.000</b>	<b>98.267.650.905</b>	<b>8,6</b>	<b>-3,9</b>

### 8. Doanh thu thuê bao đô thị thường xuyên (không VAT)

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN số 2</b>	<b>đồng</b>	<b>42.717.344.995</b>	<b>42.857.142.857</b>	<b>43.951.338.545</b>	<b>0,33</b>	<b>2,6</b>
1.1	TN Vị Thanh	đồng	33.723.863.172	33.809.523.810	34.592.793.091	0,25	2,3
1.2	TN Vị Thủy	đồng	8.993.481.823	9.047.619.048	9.358.545.455	0,60	3,4
<b>2</b>	<b>CN số 3</b>	<b>đồng</b>	<b>10.253.195.453</b>	<b>10.857.142.857</b>	<b>11.686.230.091</b>	<b>5,89</b>	<b>7,6</b>
2.1	TX. Long Mỹ	đồng	7.583.636.366	7.904.761.905	9.031.684.636	4,23	14,3
2.2	H. Long Mỹ	đồng	2.669.559.087	2.952.380.952	2.654.545.455	10,59	-10,1
<b>3</b>	<b>CN số 4</b>	<b>đồng</b>	<b>30.932.167.909</b>	<b>40.380.952.381</b>	<b>32.471.207.327</b>	<b>30,55</b>	<b>-19,6</b>
3.1	Châu Thành	đồng	4.097.939.909	5.714.285.714	5.453.854.273	39,44	-4,6
3.2	Châu Thành A	đồng	5.838.014.546	9.904.761.905	5.000.000.000	69,66	-49,1
3.3	Ngã Bảy	đồng	13.906.846.727	15.238.095.238	14.068.460.909	9,57	-7,7
3.4	Phụng Hiệp	đồng	7.089.366.727	9.523.809.524	7.903.437.600	34,34	-17,0
	<b>Cộng</b>	<b>đồng</b>	<b>83.902.708.357</b>	<b>94.095.238.095</b>	<b>88.108.775.964</b>	<b>12,15</b>	<b>-6,4</b>

### 9. Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

TT	Tên chi nhánh	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH điều chỉnh năm 2021	KH so với TH 2020 (± %)	KH đ/c so với đầu năm (± %)
<b>1</b>	<b>CN số 2</b>	<b>đồng</b>	<b>3.507.272.727</b>	<b>3.858.000.000</b>	<b>3.762.847.946</b>	<b>10,0</b>	<b>-2,5</b>
1.1	TN Vị Thanh	đồng	2.603.154.093	2.863.469.502	2.863.469.502	10,0	0,0
1.2	TN Vị Thủy	đồng	904.118.634	994.530.497	899.378.443	10,0	-9,6

<b>2</b>	<b>CN số 3</b>	<b>đồng</b>	<b>1.009.375.902</b>	<b>1.110.313.492</b>	<b>1.000.313.492</b>	<b>10,0</b>	<b>-9,9</b>
2.1	TX. Long Mỹ	đồng	770.024.541	847.026.995	767.026.995	10,0	-9,4
2.2	H. Long Mỹ	đồng	239.351.361	263.286.497	233.286.497	10,0	-11,4
<b>3</b>	<b>CN số 4</b>	<b>đồng</b>	<b>7.695.311.212</b>	<b>8.464.842.333</b>	<b>7.964.842.333</b>	<b>10,0</b>	<b>-5,9</b>
3.1	Châu Thành	đồng	2.322.176.238	2.554.393.862	2.054.393.862	10,0	-19,6
3.2	Châu Thành A	đồng	2.606.072.276	2.866.679.504	2.866.679.504	10,0	0,0
3.3	Ngã Bảy	đồng	1.220.665.902	1.342.732.492	1.342.732.492	10,0	0,0
3.4	Phụng Hiệp	đồng	1.546.396.796	1.701.036.476	1.701.036.476	10,0	0,0
	<b>Cộng</b>	<b>đồng</b>	<b>12.211.959.841</b>	<b>13.433.155.825</b>	<b>12.728.003.771</b>	<b>10,0</b>	<b>-5,2</b>

### 10. Doanh thu công trình làm thêm và doanh thu khác

Công ty cùng các chi nhánh phấn đấu thực hiện doanh thu công trình làm thêm, cấp nước, đô thị và doanh thu khác đạt từ 12,34 tỷ đồng/năm trở lên giảm 40,96% so với kế hoạch giao từ đầu năm.

### 11. Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước

TT	Tên chi nhánh	Chiều dài các loại ống (m)	Tổng giá trị đầu tư (đồng)	Số hộ dân (hộ)
<b>1</b>	<b>CN 1</b>			
1.1	Cấp nước Vị Thanh			
1.2	Châu Thành A			
<b>2</b>	<b>CN3</b>	<b>13.870</b>	<b>3.474.000.000</b>	<b>568</b>
2.1	Thị xã Long Mỹ	12.670	3.132.000.000	527
2.2	Huyện Long Mỹ	1.200	342.000.000	41
<b>3</b>	<b>CN4</b>	<b>12.900</b>	<b>1.870.000.000</b>	<b>494</b>
3.1	Châu Thành	10.400	1.200.000.000	396
3.2	Ngã Bảy	2.500	670.000.000	98
3.3	Phụng Hiệp			
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>26.770</b>	<b>5.344.000.000</b>	<b>1.062</b>

### C. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

Do doanh thu thuê bao đô thị sau khi ký kết hợp đồng với các địa phương giảm 6,4% so với kế hoạch đầu năm; doanh thu công trình làm thêm và thu khác giảm 40,96% so với kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên các địa phương hạn chế đầu tư các công trình.

Trong 6 tháng cuối năm, khi tình hình dịch bệnh còn đang diễn biến phức tạp, Công ty cũng gặp không ít khó khăn do nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động, dẫn đến tiêu thụ nước giảm, doanh thu tiền nước cũng giảm tương ứng theo sản lượng; công tác thu phí vệ sinh gặp khó khăn do thực hiện giãn cách xã hội; chi phí sản xuất kinh doanh tăng trong khi giá nước sạch tiêu thụ vẫn chưa được điều chỉnh theo hướng tính đúng, tính đủ.

Khả năng hồi phục kinh tế sau mùa dịch còn chưa khả quan thì khả năng đạt được kế hoạch đề ra từ đầu năm là điều không thể. Do đó, để có thể hoàn thành kế hoạch đề ra năm 2021, Công ty cần điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

#### **D. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2021**

Để đạt được những chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch năm 2021 đề ra trên đây, Công ty sẽ tiến hành thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

##### **1. Giải pháp về điều hành sản xuất, kinh doanh và kỹ thuật**

Điều hành SXKD của Công ty phù hợp với tình hình diễn biến thực tế của dịch bệnh Covid 19 và tuyệt đối chấp hành các chỉ thị về phòng, chống dịch của Chính phủ và của địa phương.

Động viên người lao động nỗ lực làm việc để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD của đơn vị trong bối cảnh dịch bệnh đang diễn ra hết sức phức tạp và khó lường.

Trang bị đồ bảo hộ phòng, chống dịch một cách an toàn cho lực lượng lao động trực tiếp.

Tập trung thực hiện và ưu tiên đầu tư cho công tác chống thất thoát nước, quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sinh hoạt cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

Tích cực phối hợp với các đơn vị liên doanh để cung cấp và tiếp nhận tốt lượng nước mua bán qua đồng hồ tổng, đảm bảo đạt chất lượng, đủ số lượng theo kế hoạch đề ra.

Tăng cường công tác quản lý vận hành tốt các nhà máy, trạm cấp nước. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị đảm bảo hoạt động liên tục, có hiệu quả. Nghiên cứu, đầu tư thay thế các thiết bị, máy bơm tuổi thọ cao, hiệu suất thấp nhưng có mức tiêu hao điện năng cao.

Thi công, hoàn thành và đưa vào sử dụng công trình Cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác thải sinh hoạt Kinh Cù, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; MRML CN xã Tân Phú Thạnh.



Tiếp tục khảo sát, đánh giá nhu cầu sử dụng nước của khách hàng để cân nhắc đầu tư mở rộng mới một số tuyến ống cấp nước để cấp cho các khu vực thực sự có nhu cầu bức thiết về nước sạch. Đánh giá hiện trạng để quyết định cải tạo, nâng cấp một số tuyến ống cấp nước đã lắp đặt lâu năm, tỷ lệ thất thoát nước lớn.

Quản lý và vận hành khai thác, bảo trì bảo dưỡng tốt các giếng khoan phục vụ công tác ứng phó khi nước mặn xâm nhập.

Cập nhật và quản lý tốt thông tin khách hàng sử dụng nước, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, áp dụng ghi chỉ số đồng hồ bằng thiết bị di động, cải tiến công tác ghi - thu (thu tiền nước bằng hình thức thu trực tuyến) rút ngắn thời gian ghi, thu, giảm tỷ lệ tồn thu hóa đơn xuống mức thấp nhất.

Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị; nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân... đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của công việc.

Tổ chức thực hiện tốt công tác súc, rửa, vệ sinh các tuyến ống truyền tải và phân phối theo phương pháp mới, góp phần nâng cao chất lượng nước cung cấp cho khách hàng.

Khai thác có hiệu quả các điểm ưu việt của phần mềm quản lý khách hàng tổng thể và phát huy những ưu điểm của hệ thống SCADA trong công tác theo dõi áp lực, lưu lượng và chất lượng nước online, nhằm hỗ trợ tích cực trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty và các chi nhánh.

Các chi nhánh cần linh động, nỗ lực trong việc thương thảo với địa phương để giữ vững việc làm, tìm thêm khối lượng thực hiện hợp đồng thuê bao đô thị, tạo được niềm tin và uy tín với địa phương.

## **2. Giải pháp về tài chính**

Tăng cường hiệu quả trong quản lý nguồn vốn, sử dụng vốn bằng các biện pháp như phân đoạn đầu tư theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư.

Kiểm soát chặt chẽ các chi phí của các dự án đầu tư xây dựng, tránh lãng phí, không hiệu quả.

Khai thác tốt các nguồn doanh thu thông qua việc thực hiện tốt công tác điều chỉnh giá nước và giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt và từ các ngành nghề kinh doanh mở rộng khác....

Tập trung tích lũy nguồn vốn của Công ty, vốn vay ưu đãi để có đủ tiềm lực về tài chính, đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho khách hàng hoặc đầu tư mua sắm thiết bị chuyên dùng phục

vụ công tác đô thị, công ích hay phục vụ cho công tác mở rộng hoạt động SXKD thêm một số lĩnh vực khác, ngành nghề khác...

Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm nợ khó đòi, nợ đọng lâu năm, cân nhắc kỹ lưỡng để sử dụng đồng vốn có hiệu quả.

Thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc đầu tư thay thế các thiết bị, máy móc cũ kỹ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, tập trung chống thất thoát, thất thu nước, chống lãng phí về lao động và nhân công.

Cần tập trung phân tích sự tăng giảm của các chỉ số tài chính, nhằm tìm ra nguyên nhân chính xác để làm cơ sở cho Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

### **3. Giải pháp về tổ chức, nhân sự, tiền lương**

Hoàn thành đề án nhân sự tái cơ cấu bộ máy tổ chức khối văn phòng công ty trong toàn Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả và xây dựng hệ thống lương phù hợp với việc tái cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng có lợi cho người sử dụng lao động và cả người lao động.

Rà soát và đánh giá năng lực, trình độ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động của các đơn vị để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả và thích nghi với tình hình mới.

Cần xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí công tác để việc tuyển dụng phát huy hiệu quả một cách cao nhất. Ngoài ra, Công ty cần xây dựng chuẩn hóa quy trình tuyển dụng cho từng phòng, chi nhánh. Nội dung của từng bước trong quy trình tuyển dụng cần được chú trọng, cập nhật sao cho phù hợp với thực tế công việc.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng của Công ty.

Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

Chống lãng phí về lao động và thời gian lao động, đây là một trong những chi phí lớn trong giá sản xuất của tất cả các lĩnh vực kinh doanh. Do vậy cần phải có giải pháp tiết kiệm cụ thể là sắp xếp lại tổ chức bộ máy trong Công ty một cách khoa học, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ để phát huy tính hiệu

quả, cải tiến, định mức công việc, từng bước thực hiện khoán quỹ lương cho người lao động.

Công ty xây dựng chính sách khen thưởng những cá nhân, tập thể có đóng góp, có sáng kiến, có giải pháp hoặc cách làm giảm chi phí sản xuất hay có các đóng góp quan trọng khác. Đồng thời, nhắc nhở, xử lý các cá nhân, tập thể không tuân thủ sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, hoặc thực hiện sai các quy định của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Lãnh đạo các phòng, chi nhánh trực thuộc Công ty dựa trên kế hoạch sản xuất, kinh doanh điều chỉnh năm 2021 của Công ty để xây dựng kế hoạch chi tiết từng tháng, quý, 6 tháng cuối năm và của đơn vị mình. Đồng thời, triển khai nội dung kế hoạch của Công ty đến người lao động tại đơn vị được phân công quản lý nắm vững và phối hợp thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đánh giá kết quả thực hiện công việc được giao. Nhận định xu thế phát triển chung của tỉnh, của địa phương hoặc những ảnh hưởng khác tác động đến kế hoạch kinh doanh của Công ty để từ đó có những đề xuất kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét, điều chỉnh kế hoạch SXKD kịp thời, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới nhằm mang lại lợi nhuận cho Công ty.

*(Kèm theo Kế hoạch này là các bảng thuyết minh số liệu của từng lĩnh vực công tác: nước, đô thị).*

**Nơi nhận:**

- Hội đồng quản trị;
- Trưởng BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Thư ký HĐQT;
- Đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**Huỳnh Thông Minh**